

Số: 144A/QĐ-STTTT

Đồng Nai, ngày 16 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018

GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ công văn số 7313/STC-TCHCSN ngày 10/12/2017 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện dự toán;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-STC ngày 11/12/2018 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2019;

Căn cứ thông báo số 07/TB-TCHCSN ngày 16/7/2019 của giám đốc Sở Tài chính về việc thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước 2018;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018 của Sở Thông tin và Truyền Thông theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng ban chuyên môn, Kế toán Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh;
- Ban Giám đốc;
- Niêm yết⁽⁰¹⁾;
- Lưu: VT, VP⁽⁰²⁾.



Lê Hoàng Ngọc

Chi tiết số liệu thẩm tra quyết toán - - Năm 2018
Nguồn Phí, Lệ phí

Phụ lục 03

(ĐVT: Đồng)

STT	Nội dung	Tổng số	Cộng	Trong đó					Nguồn dịch vụ				
				Nguồn phí	Cộng	11	12	13	Cộng	15	16	17	
A	B	1=(2+10+14)	2=(3+4+...+9)	1	10=(11+12+13)					14=(15+16+17)			
	Tổng cộng			0									
1	Năm trước CS sang	0		0									
2	Số Thu	66.510.000	66.510.000	66.510.000									
3	Số chi	35.915.400	35.915.400	35.915.400									
4	Số nộp ngân sách	6.651.000	6.651.000	6.651.000									
5	Số trích 40% CCTL	23.943.600	23.943.600	23.943.600									
6	Số BS nguồn	0		0									
	Thu nhập												
	Quỹ KT, PL												
	Quỹ KT, PL												
	Quỹ KT, PL												
		59.859.000											

ĐỔI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
	Chỉ tiêu theo Báo cáo kết quả hoạt động theo Mẫu B02/BCTC (đối với đơn vị lập báo cáo tài chính đầy đủ) hoặc Mẫu số B05/BCTC (đối với đơn vị lập báo cáo tài chính đơn giản) ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC			
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp			
1	Doanh thu (01=02+03+04)	1.006.008.076	1.006.008.076	
	a. Từ NSNN cấp	1.006.008.076	1.006.008.076	
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài			
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại			
2	Chi phí (05=06+07+08)	1.006.008.076	1.006.008.076	
	a. Chi phí hoạt động	1.006.008.076	1.006.008.076	
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài			
	c. Chi phí hoạt động thu phí			
3	Thặng dư/thâm hụt (09= 01-05)	-	-	
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ			
1	Doanh thu	6.291.401.985	6.291.401.985	
2	Chi phí	6.212.314.022	6.212.314.022	
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	79.087.963	79.087.963	
III	Hoạt động tài chính			

1	Doanh thu	862.849	862.849
2	Chi phí	0	
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	862.849	862.849
IV	Hoạt động khác		
1	Thu nhập khác	10.036	10.036
2	Chi phí khác	321	321
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	9.715	9.715
V	Chi phí thuế TNDN	15.683.494	15.683.494
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	64.277.033	64.277.033
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính		
2	Phân phối cho các quỹ	38.566.220	38.566.220
3	Kinh phí cải cách tiền lương	25.710.813	25.710.813

u B02/BCTC và Thuyết minh Báo cáo tài chính theo Mẫu B04/BCTC (đối với đơn vị lập báo cáo tài chính đầy đủ) hoặc Mẫu số B05/BCTC (đối với đơn vị

- Nếu chi lớn hơn thu thì ghi số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)

, vay ưu đãi NSNN cấp phát toàn bộ; số dư lãi tiền gửi viện trợ, kinh phí kết dư, chênh lệch tỷ giá tiền viện trợ không có thỏa thuận của nhà tài trợ; tiền thu